

Rec: Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc

DEXASOL

Dexamethason 0.4 mg/ml

Đề xu tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Thành phần

Mỗi ml chứa:

Thành phần hoạt chất: Dexamethason (dưới dạng Dexamethason natri phosphat) ... 0.4 mg
Thành phần tá dược: Natri benzoat, polyvinyl alcohol, saccharose, sorbitol, acid citric monohydrat, natri trioxit octahydrat, natural flavor A138647, nước tinh khiết.

Dạng bào chế: Dung dịch uống

Chỉ định

Điều trị các rối loạn nội tiết và rối loạn không do nội tiết, trong một số trường hợp phù nề và trong một số chẩn đoán tình trạng tăng cường chức năng thượng thận.

Rối loạn nội tiết

Lỗi mất do nội tiết

Rối loạn không do nội tiết:

Có thể chỉ định dexamethason trong một số trường hợp rối loạn không do nội tiết và đáp ứng với corticoid, bao gồm:

Đông vẩy và nhọt vẩy: Số ít phẩm vẩy

Viêm màng nhện: Đau cổ, chảy mắt, đau cơ, đau khớp, viêm mắt quanh đồng mạch

Rối loạn huyết học: Thiếu máu tan máu lớn nguyên nhân từ miễn dịch, bệnh bạch cầu, tiểu

Rối loạn huyết học: Giảm tiểu cầu, bạch cầu, tăng sinh một số bạch huyết bào tân tạo

Rối loạn da: Đau mắt, điều trị ở giai đoạn tích cực, viêm loét (đợt) trong khi ở phản trợ

Rối loạn da: Viêm da đỏ, viêm mắt xung quanh (bệnh Crohn), một số thể viêm gan

Rối loạn da: Viêm da đỏ

Rối loạn thần kinh: Tăng áp lực nội sọ sau phẫu thuật các khối u não, rối loạn các bệnh da sơ

Rối loạn mắt: Viêm màng bồ đào

Rối loạn mắt: Viêm màng bồ đào, viêm da mắt, viêm da thần kinh thị giác, viêm

Rối loạn mắt: Viêm da mắt, viêm da mắt, viêm da thần kinh thị giác, viêm

Rối loạn mắt: Hội chứng Addison

Rối loạn mắt: Viêm phế quản mãn tính, viêm phế quản phổi, bệnh phổi tắc nghẽn mãn

Rối loạn mắt: Viêm phổi, bệnh lao (sarcoidosis), các bệnh dị ứng liên quan tới phổi, hội chứng Loeffler,

các bệnh xơ hóa phế nang không rõ nguyên nhân.

Rối loạn mắt: Khớp: Một số trường hợp tự thể (hội chứng Felty), hội chứng Sjogrens) các

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Rối loạn mắt: Viêm khớp dạng thấp, bao gồm cả viêm khớp dạng thấp ở đầu ngón tay

Nhiệm vụ

Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc

Bệnh nhân nên mang theo cảnh báo "tiểu tử steroid" có chứa các thông tin chỉ dẫn rõ ràng về những thận trọng để giảm thiểu nguy cơ và cung cấp chi tiết thông tin về người kê đơn, loại thuốc, liều dùng và thời gian điều trị.

Sự thường thân do điều trị glucocorticoid có thể phụ thuộc vào liều dùng và thời gian điều trị, kéo dài trong vài tháng và một số trường hợp lâu hơn. 1 năm hoặc sau khi ngừng điều trị, trong suốt quá trình điều trị dexamethason nên theo dõi một số trường hợp bị stress (chấn thương, phẫu thuật, sinh con...), có thể cần phải tăng liều thuốc tạm thời. Do nguy cơ có thể xảy ra trong một số trường hợp bị stress, nên sử dụng corticosteroid cho các bệnh nhân phải điều trị kéo dài. Thêm chất trong một số trường hợp suy thượng thận kéo dài sau khi ngừng điều trị, việc kê đơn glucocorticoid có thể cần thiết trong một số tình huống stress.

Sự thường thân cấp do điều trị có thể được giảm thiểu bằng cách ghi liều dùng cho đến khi ngừng thuốc theo kế hoạch.

- Nhiễm virus cấp tính (Herpes zoster, Herpes simplex, Varicella, viêm gan mạc do Herpes)

- Viêm gan mạn tính hoạt động do HBV dương tính

- Điều trị trong 8 tuần, tình trị thời điểm trước khi qua 2 tuần sau khi tìm và xin sống

- Bệnh bại liệt

- Viêm hạch bạch huyết sau khi tiêm vắc xin BCG

- Nhiễm khuẩn cấp và mãn tính

- Tiêm sử dụng. Chỉ sử dụng khi đã được bảo vệ khỏi bệnh lao.

Chỉ nên tăng hàm lượng điều trị dexamethason đối với các chỉ định mạnh như: và nếu cần thiết, cần sử dụng các biện pháp điều trị thêm trong các trường hợp sau:

- Liều cao hơn

- Loãng xương nghiêm trọng

- Tăng huyết áp khó kiểm soát

- Đau thắt lưng khó kiểm soát

- Rối loạn tâm thần (bao gồm cả có tiền sử mắc bệnh)

- Glaucom góc đóng và góc mở

- Viêm loét và tổn thương giác mạc

Do nguy cơ gây thiếu hụt, chỉ nên sử dụng thuốc cho các chỉ định khẩn cấp và cần có các biện pháp giảm thiểu thích hợp trong các trường hợp sau:

- Viêm loét đại tràng nghiêm trọng có nguy cơ thủng

- Bệnh viêm ruột thừa

- Nhiễm trùng mạch cổ (nguy sau khi phẫu thuật)

Có thể không xuất hiện một số dấu hiệu kích thích pharmac sau khi ngừng thuốc ở những bệnh nhân dùng glucocorticoid. Cần cân nhắc dùng insulin hoặc các thuốc điều trị dài

hàng ngày để duy trì đường huyết khi dùng dexamethason ở các bệnh nhân đái tháo đường. Cần theo dõi huyết áp thường xuyên trong quá trình điều trị dexamethason, đặc biệt khi liều điều trị cao và với các bệnh nhân khó kiểm soát huyết áp. Cần giám sát chặt chẽ các bệnh nhân suy tim nghiêm trọng. Việc điều trị bằng dexamethason có thể che lấp các triệu

chứng của tình trạng nhiễm khuẩn, làm cho việc chẩn đoán khó khăn hơn.

Điều trị kéo dài do chỉ với một lượng dexamethason nhỏ cũng có thể dẫn tới tăng nguy cơ nhiễm khuẩn, kể cả với các vi sinh vật hiếm khi gây nhiễm khuẩn (còn gọi là nhiễm

khuẩn cơ hội). Có thể tiềm ẩn các biến chứng. Tuy nhiên, cần chú ý đến các phản ứng miễn dịch và tác dụng của vắc xin, có thể bị ảnh hưởng bởi corticoid liều cao.

Thường xuyên tái bác sĩ kiểm tra về thể lực (Đánh giá) khi điều trị dexamethason dài hạn.

Ở mức liều cao, cần hạn chế lượng calci và natri cũng như theo dõi chặt chẽ nồng độ kali máu. Tuy thuốc vào thời gian và liều dùng, có thể ảnh hưởng tới chuyển hóa calci, do đó

có thể khuyến cáo điều trị dự phòng loãng xương. Điều này cũng áp dụng với các yếu tố nguy cơ như tuổi cao, sau khi mãn kinh, không dùng các thuốc ngăn ngừa loãng xương, hút thuốc lá

thường xuyên, chế độ dinh dưỡng kém, các triệu chứng thường xuất hiện trong vài ngày hoặc sau vài tuần điều trị. Nguy cơ có thể tăng lên khi dùng liều cao. Cần cân nhắc việc bổ sung canxi và vitamin D và hoạt động thể chất. Nên cân nhắc chặt chẽ các bệnh nhân suy tim nghiêm trọng. Việc điều trị bằng dexamethason có thể che lấp các triệu

chứng của tình trạng nhiễm khuẩn, làm cho việc chẩn đoán khó khăn hơn.

Điều trị kéo dài do chỉ với một lượng dexamethason nhỏ cũng có thể dẫn tới tăng nguy cơ nhiễm khuẩn, kể cả với các vi sinh vật hiếm khi gây nhiễm khuẩn (còn gọi là nhiễm

khuẩn cơ hội). Có thể tiềm ẩn các biến chứng. Tuy nhiên, cần chú ý đến các phản ứng miễn dịch và tác dụng của vắc xin, có thể bị ảnh hưởng bởi corticoid liều cao.

Thường xuyên tái bác sĩ kiểm tra về thể lực (Đánh giá) khi điều trị dexamethason dài hạn.

Ở mức liều cao, cần hạn chế lượng calci và natri cũng như theo dõi chặt chẽ nồng độ kali máu. Tuy thuốc vào thời gian và liều dùng, có thể ảnh hưởng tới chuyển hóa calci, do đó

có thể khuyến cáo điều trị dự phòng loãng xương. Điều này cũng áp dụng với các yếu tố nguy cơ như tuổi cao, sau khi mãn kinh, không dùng các thuốc ngăn ngừa loãng xương, hút thuốc lá

thường xuyên, chế độ dinh dưỡng kém, các triệu chứng thường xuất hiện trong vài ngày hoặc sau vài tuần điều trị. Nguy cơ có thể tăng lên khi dùng liều cao. Cần cân nhắc việc bổ sung canxi và vitamin D và hoạt động thể chất. Nên cân nhắc chặt chẽ các bệnh nhân suy tim nghiêm trọng. Việc điều trị bằng dexamethason có thể che lấp các triệu

chứng của tình trạng nhiễm khuẩn, làm cho việc chẩn đoán khó khăn hơn.

Điều trị kéo dài do chỉ với một lượng dexamethason nhỏ cũng có thể dẫn tới tăng nguy cơ nhiễm khuẩn, kể cả với các vi sinh vật hiếm khi gây nhiễm khuẩn (còn gọi là nhiễm

khuẩn cơ hội). Có thể tiềm ẩn các biến chứng. Tuy nhiên, cần chú ý đến các phản ứng miễn dịch và tác dụng của vắc xin, có thể bị ảnh hưởng bởi corticoid liều cao.

Thường xuyên tái bác sĩ kiểm tra về thể lực (Đánh giá) khi điều trị dexamethason dài hạn.

Ở mức liều cao, cần hạn chế lượng calci và natri cũng như theo dõi chặt chẽ nồng độ kali máu. Tuy thuốc vào thời gian và liều dùng, có thể ảnh hưởng tới chuyển hóa calci, do đó

có thể khuyến cáo điều trị dự phòng loãng xương. Điều này cũng áp dụng với các yếu tố nguy cơ như tuổi cao, sau khi mãn kinh, không dùng các thuốc ngăn ngừa loãng xương, hút thuốc lá

thường xuyên, chế độ dinh dưỡng kém, các triệu chứng thường xuất hiện trong vài ngày hoặc sau vài tuần điều trị. Nguy cơ có thể tăng lên khi dùng liều cao. Cần cân nhắc việc bổ sung canxi và vitamin D và hoạt động thể chất. Nên cân nhắc chặt chẽ các bệnh nhân suy tim nghiêm trọng. Việc điều trị bằng dexamethason có thể che lấp các triệu

chứng của tình trạng nhiễm khuẩn, làm cho việc chẩn đoán khó khăn hơn.

Điều trị kéo dài do chỉ với một lượng dexamethason nhỏ cũng có thể dẫn tới tăng nguy cơ nhiễm khuẩn, kể cả với các vi sinh vật hiếm khi gây nhiễm khuẩn (còn gọi là nhiễm

khuẩn cơ hội). Có thể tiềm ẩn các biến chứng. Tuy nhiên, cần chú ý đến các phản ứng miễn dịch và tác dụng của vắc xin, có thể bị ảnh hưởng bởi corticoid liều cao.

Thường xuyên tái bác sĩ kiểm tra về thể lực (Đánh giá) khi điều trị dexamethason dài hạn.

Ở mức liều cao, cần hạn chế lượng calci và natri cũng như theo dõi chặt chẽ nồng độ kali máu. Tuy thuốc vào thời gian và liều dùng, có thể ảnh hưởng tới chuyển hóa calci, do đó

có thể khuyến cáo điều trị dự phòng loãng xương. Điều này cũng áp dụng với các yếu tố nguy cơ như tuổi cao, sau khi mãn kinh, không dùng các thuốc ngăn ngừa loãng xương, hút thuốc lá

thường xuyên, chế độ dinh dưỡng kém, các triệu chứng thường xuất hiện trong vài ngày hoặc sau vài tuần điều trị. Nguy cơ có thể tăng lên khi dùng liều cao. Cần cân nhắc việc bổ sung canxi và vitamin D và hoạt động thể chất. Nên cân nhắc chặt chẽ các bệnh nhân suy tim nghiêm trọng. Việc điều trị bằng dexamethason có thể che lấp các triệu

chứng của tình trạng nhiễm khuẩn, làm cho việc chẩn đoán khó khăn hơn.

Điều trị kéo dài do chỉ với một lượng dexamethason nhỏ cũng có thể dẫn tới tăng nguy cơ nhiễm khuẩn, kể cả với các vi sinh vật hiếm khi gây nhiễm khuẩn (còn gọi là nhiễm

Dexamethason đi qua nhau thai. Sử dụng dexamethason ở động vật có thể có thể gây bất thường đối với sự phát triển của thai nhi, bao gồm sự viêm màng ối, chậm phát triển trong tử cung, ảnh hưởng tới sự phát triển của răng. Chưa có bằng chứng cho thấy dexamethason làm tăng tỷ lệ dị tật bẩm sinh, chẳng hạn như hở hàm ếch/miệng hở môi trẻ người. Điều trị corticosteroid kéo dài hoặc lặp lại trong thời kỳ làm tăng nguy cơ chậm phát triển thai nhi trong tử cung. Ở các trẻ sơ sinh được tiếp xúc với corticosteroid giai đoạn trước sinh, có sự gia tăng nguy cơ suy thượng thận, trong các trường hợp thông thường xảy ra từ phát sau khi sinh và thường biến mất khi ngừng làm sàng. Cần thận trọng khi sử dụng dexamethason trong suốt thời kỳ, và đặc biệt trong 3 tháng đầu, chỉ khi lợi ích vượt trội nguy cơ trên mẹ và bé.

Phụ nữ cho con bú

Glucocorticoid được thải trừ qua sữa mẹ. Không rõ nguy cơ của thuốc trên trẻ sơ sinh. Tuy nhiên, cần thận trọng khi chỉ định thuốc trong thời kỳ vì cho con bú. Trong các trường hợp cần liều cao hơn. Nên ngừng điều trị.

Ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc

Dexamethason không ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng không đáng kể tới khả năng lái xe và vận hành máy móc.

Tương tác, tương kỵ của thuốc

Ảnh hưởng của các thuốc khác lên dexamethason

Dexamethason được chuyển hóa qua cytochrom P450 3A4 (CYP3A4). Khi sử dụng đồng thời dexamethason với các chất cảm ứng CYP3A4, như phenytoin, barbiturat, efedrin, rifabutin, carbamazepin và rifampicin có thể làm giảm nồng độ dexamethason trong huyết tương và cần phải tăng liều lên. Việc dùng đồng thời các thuốc ức chế CYP3A4 như ketoconazol, itraconazol và erythromycin có thể làm tăng nồng độ dexamethason trong huyết tương.

Phối hợp với các chất ức chế CYP3A4, bao gồm cả sản phẩm có chứa cobicistat làm tăng nguy cơ gặp các phản ứng phụ toàn thân. Nên tránh phối hợp từ khi lợi ích vượt trội so với nguy cơ gặp tác dụng phụ toàn thân do corticosteroid, trong trường hợp đó, bệnh nhân cần được theo dõi các phản ứng phụ toàn thân do corticosteroid.

Những tương tác này cũng có thể can thiệp vào các test ức chế làm dexamethason, do đó cần xét nghiệm được tiến hành trong quá trình sử dụng các chất này hướng đến sự trao đổi chất của dexamethason.

Ketozonazol có thể làm tăng nồng độ dexamethason trong huyết tương bằng cách ức chế CYP3A4, nhưng cũng có thể ức chế sự tổng hợp corticosteroid ở thượng thận và do đó gây ra suy thượng thận khi ngừng điều trị corticosteroid.

Ephedrin có thể làm tăng thành tích của corticosteroid, dẫn đến giảm nồng độ thuốc trong huyết tương, do đó cần tăng liều corticosteroid.

Kết quả âm tính giả trong test ức chế bằng dexamethason ở bệnh nhân đang điều trị bằng indomethacin đã được báo cáo.

Không sinh kháng sinh Macrolid đã được báo cáo làm giảm đáng kể độ thanh thải corticosteroid.

Chất ức chế cholinesterase Sử dụng đồng thời các thuốc ức chế cholinesterase và corticosteroid có thể gây ra suy nhược nghiêm trọng ở những bệnh nhân bị nhũp cơ. Nếu có thể ngừng các chất ức chế cholinesterase ít nhất 24 giờ trước khi bắt đầu điều trị corticosteroid.

Colistyrinam Colistyrinam có thể làm giảm sự hấp thu của dexamethason.

Estrogen, bao gồm thuốc tránh thai đường uống Estrogens có thể làm giảm chuyển hóa qua gan của một số corticosteroid, do đó làm tăng hiệu quả của chúng.

Aminoglutethimid Giảm hiệu quả dexamethason do làm tăng chuyển hóa của thuốc. Có thể cần phải điều chỉnh liều dexamethason.

Các thuốc tác động lên tiêu hóa và tụy, thuốc antacid, than hoạt tính Sự giảm sự hấp thu qua đường tiêu hóa của glucocorticoid có thể được báo cáo với prednisolon và dexamethason. Do đó, nên dùng các thuốc này trước hoặc sau các thuốc tác động lên tiêu hóa và tụy, thuốc antacid, than hoạt tính, và không cần phải chờ các lần dùng thuốc ít nhất 2 giờ.

Ảnh hưởng của các dexamethason lên các thuốc khác

Dexamethason là chất cảm ứng CYP3A4 và phải Sử dụng đồng thời dexamethason với các chất được chuyển hóa qua CYP3A4 có thể làm tăng độ thanh thải và giảm nồng độ của các chất này trong huyết tương.

Độ thanh thải salicylat qua thận được tăng lên bởi corticosteroid và do đó cần giảm liều salicylat khi ngừng steroid.

Các tác dụng của thuốc hạ đường huyết (bao gồm insulin), thuốc điều trị tăng huyết áp và thuốc lợi tiểu bị đối kháng bởi corticosteroid.

Tác dụng hạ kali của acetazolamid, thuốc lợi tiểu quai, thuốc lợi tiểu thiazid, amphotericin B đường tiêm, thuốc hạ kali, corticosteroid, tetracosactid và carbazonolon được tăng cường. Hạ kali máu chủ yếu gây loạn nhịp tim, đặc biệt là xoắn đỉnh và tăng độc tính của glycosid tim. Nên điều chỉnh tình trạng hạ kali máu trước khi bắt đầu điều trị corticosteroid. Ngoài ra, để có trường hợp được báo cáo về sử dụng đồng thời amphotericin B và hydrocortison gây ra một số phản ứng và sự tương tác nguy hiểm.

Sulpetid có liên quan đến loạn nhịp thất đặc biệt là xoắn đỉnh. Không khuyến cáo sử dụng phối hợp này.

Nên theo dõi các bệnh nhân dùng NSAID do tỷ lệ vậ hoặc mức độ nghiêm trọng của loét dạ dày-ruột có thể tăng lên. Aspirin cũng nên được sử dụng thận trọng khi kết hợp với corticosteroid trong giảm prothrombin máu.

Thuốc điều trị lao Có thể làm giảm nồng độ isoniazid trong huyết tương.

Chlorzaxeton Tăng hoạt tính của chlorzaxeton và corticosteroid ít tương đồng thời. Đã có báo cáo về xuất hiện co giật khi sử dụng phối hợp này.

Thalidomid Cần phối hợp với thalidomid một cách thận trọng, vì sự hoạt tử thượng bì nhiều độc đã được báo cáo khi sử dụng đồng thời 2 thuốc này với nhau.

Corticosteroid có thể ảnh hưởng đến xét nghiệm nitroblue tetraozolium đối với nhiễm khuẩn và tạo ra kết quả âm tính giả.

Vệ sinh sống giảm độc lực, nguy cơ mắc bệnh toàn thân, có thể có vãng.

Praziquantel Giảm nồng độ praziquantel trong huyết tương đồng thời nguy cơ thất bại điều trị do dexamethason gây tăng chuyển hóa thuốc gan.

Thuốc chống đông đường uống Liều pháp corticoid có thể ảnh hưởng tới sự chuyển hóa của các thuốc chống đông đường uống và các yếu tố đông máu. Ở liều cao hoặc điều trị hơn 10 ngày, có nguy cơ chảy máu với liều pháp corticosteroid (niêm mạc dạ dày-ruột, nốt mạch máu). Bệnh nhân dùng corticosteroid có kèm theo thuốc chống đông đường uống cần được theo dõi chặt chẽ (kiểm tra vào ngày thứ 0, sau đó là 2 tuần một lần trong khi điều trị và sau khi ngừng điều trị).

Ty là các tác dụng không mong muốn của thuốc

Ty là các tác dụng không mong muốn theo dự đoán, vì được chế tạo dưới đối tượng yếm thượng thận có liên quan tới tỷ lệ tương đối của được cải tiến, liều, thời điểm dùng thuốc trong ngày và thời gian điều trị. Trong phác đồ điều trị ngắn hạn, khi tuân thủ các khuyến cáo về liều dùng và theo dõi chặt chẽ bệnh nhân, nguy cơ gặp phải tác dụng không mong muốn là thấp.

Bảng tóm tắt các phản ứng có hệ thống phân nhóm theo tần suất: không rõ (không thể ước tính được từ dữ liệu hiện có).

| Hệ cơ quan | Tần suất | Tác dụng không mong muốn |
|-----------------------------------|----------|--|
| Nhiễm vi khuẩn và nhiễm nấm trùng | Không rõ | Tăng nguy cảm hoặc tăng nhiễm khuẩn nặng kèm theo các triệu chứng lâm sàng bị che lấp, nhiễm trùng cơ hội, tái kích hoạt các thể lao tiềm ẩn, nhiễm khuẩn mắt nặng, nhiễm candida. |
| Rối loạn máu và hệ tạo máu | Không rõ | Tăng bạch cầu, giảm bạch cầu lympho, giảm bạch cầu ái toan, tăng hồng cầu. |
| Rối loạn hệ miễn dịch | Không rõ | Các phản ứng quá mẫn bao gồm phản vệ, ức chế miễn dịch. |

| Hệ cơ quan | Tần suất | Tác dụng không mong muốn |
|--|----------|---|
| Rối loạn nội tiết | Không rõ | Ức chế trục dưới đồi-tuyến yên-thượng thận và giảm các triệu chứng của hội chứng Cushing (các triệu chứng điển hình: mặt tròn như mặt trăng, béo phì, tăng mỡ, suy thượng thận và tuyến yên thứ phát (đặc biệt trong các trường hợp stress do chấn thương hoặc phẫu thuật). |
| Rối loạn chuyển hóa và dinh dưỡng | Không rõ | Tăng cân, mất cân bằng protein và calci làm mất, tăng cảm giác thèm ăn, giảm uống nước, mất cân (thần trọng, rối loạn nhịp tim), nhiễm kiềm chuyển hóa, có biểu hiện của đái tháo đường tiềm ẩn, không dung nạp carbohydrat kèm theo cần phải tăng cường liều các thuốc hạ đường huyết, tăng cholesterol máu, tăng triglycerid máu. |
| Rối loạn tâm thần | Không rõ | Phụ thuộc về tâm lý, trầm cảm, mất ngủ, tăng thêm phần kết tâm trạng, các bệnh về tâm thần, tư phần kích động loạn thần. |
| Rối loạn hệ thần kinh | Không rõ | Tăng áp lực nội sọ với các chứng phụ gia ghi ở trẻ em (thể u giả ở não) thường phải ngưng điều trị; biểu hiện của động kinh (tiền ứ, tăng co giật trong động kinh). |
| Rối loạn mắt | Không rõ | Tăng nhân gàu glaucôm, phù gàu thị, đục thủy tinh thể, đục dướn bao sau của thủy tinh thể, tăng áp lực nhãn và công mạc của mắt, tăng nhãn áp, nhiễm khuẩn và nhiễm nấm mắt, tăng trọng thêm các triệu chứng loét giác mạc, bệnh lý võng mạc, giảm thị lực (bơm mac Canh bảo và thận trọng khi dùng thuốc). |
| Rối loạn tim | Không rõ | Vỡ cơ tim sau các biến chứng nhồi máu cơ tim gần đây, suy tim sung huyết trên các bệnh nhân đã có tiền sử. |
| Rối loạn mạch | Không rõ | Tăng huyết áp, viêm mạch, tăng xơ vữa động mạch và tăng nguy cơ huyết khối. |
| Rối loạn hệ hô hấp | Không rõ | Nic cực. |
| Rối loạn tiêu hóa | Không rõ | Khó tiêu, loét dạ dày kèm theo thủng, xuất huyết, viêm tụy cấp, loét thực quản, đầy hơi, buồn nôn, nôn. |
| Rối loạn da và mô dưới da | Không rõ | Chứng râm lông ở phụ nữ, bệnh Hypparichosis (bệnh người sói),teo da, giãn mao mạch, vết sẹo trên da, ban đỏ, mụn do steroid, giãn xuất huyết, móng xuất huyết, viêm da dị ứng, mề đay, phù mạch, thể thuyên, nổi mụn sắc tố, tăng vớ mao mạch, viêm da quanh miệng. |
| Rối loạn cơ xương và mô liên kết | Không rõ | Ức chế tăng trưởng ở trẻ sơ sinh, trẻ em và trẻ vị thành niên, đồng thời sớm ở trẻ sơ sinh, loãng xương, gây xương sống và xương dài, hoại tử vô khuẩn xương đùi và xương cánh tay, đứt gân, đau do đứt gân (điểm gốc của cơ quay), yếu cơ, giảm khối lượng cơ. |
| Rối loạn thần và tiết niệu | Không rõ | Đi tiểu ra máu. |
| Rối loạn hệ sinh sản và vú | Không rõ | Chu kỳ kinh nguyệt không đều, vô kinh, bất lực. |
| Rối loạn toàn thân và tại nơi dùng thuốc | Không rõ | Chậm lành vết thương, khó chữa, các triệu chứng do ngưng steroid: giảm liều corticosteroid quá nhanh sau khi điều trị kéo dài có thể dẫn đến suy thượng thận cấp tính, tụt huyết áp tư vong. Các triệu chứng ngưng thuốc có thể biểu hiện như sốt, đau cơ, đau khớp, viêm mắt, viêm kết mạc, đau dạ dày có vết nứt tĩnh mạch. |
| Tổn thương, nhiễm độc và các biến chứng do thủ thuật | Không rõ | Giảm đáp ứng với vắc xin và test da, có nguy cơ nhiễm khuẩn tiềm ẩn. |

Thông báo nguy cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc

Quá liều và cách xử trí

Các báo cáo về độc tính cấp và/hoặc gây tử vong do quá liều glucocorticoid rất hiếm gặp. Hiện không có thuốc giải độc đặc hiệu với glucocorticoid. Việc điều trị có thể không được chỉ định với các trường hợp nhiễm độc mãn tính từ khi bệnh nhân có tình trạng xấu đi, nhạy cảm bất thường với các ảnh hưởng xấu do corticosteroid gây ra. Trong trường hợp này, nên thông báo ngay và điều trị triệu chứng khi cần thiết. Có thể điều trị các phản ứng phản vệ và qua mẫn bằng adrenalin, áp dụng các biện pháp thông khí nhân tạo áp suất dương và aminoglycosid. Uống nhiều cần được giữ ấm và ở trong môi trường yên tĩnh. Thời gian bán thải sinh học của dexamethason trong huyết tương là khoảng 190 phút.

Đặc tính dược lý học

Nhóm dược lý: Glucocorticoid

Mã ATC: H02AB02

Dexamethason là một glucocorticoid có hoạt tính mạnh, tác dụng kéo dài và đặc tính giữ nước không đáng kể. Do đó, dexamethason đặc biệt thích hợp với bệnh nhân bị suy tim và tăng huyết áp. Hoạt tính chống viêm của dexamethason gấp 7 lần so với prednisolon và cũng như các glucocorticoid khác, dexamethason cũng có hoạt tính chống dị ứng, hạ sốt và ức chế miễn dịch.

Đặc tính dược động học

Dexamethason hấp thu tốt qua đường uống, đặc nồng độ đỉnh trong huyết tương sau khoảng 1-2 giờ uống thuốc và có sự khác biệt lớn giữa các cá thể. Trên người khỏe mạnh, thời gian bán thải trong huyết tương là 3-6 giờ; tuy nhiên, trên người bệnh, thời gian này có thể giảm xuống dưới 2 giờ. Khoảng 77% dexamethason liên kết với albumin huyết tương, chủ yếu là albumin. Tỷ lệ protein liên kết với dexamethason, không giống với cortisol, giữ nguyên ở dạng không biến đổi khi nồng độ steroid tăng. Các corticosteroid phân bố như nhét các mô của cơ thể. Dexamethason chuyển hóa chủ yếu qua gan, có thể ở thận. Dexamethason và chất chuyển hóa của nó được thải trừ qua nước tiểu.

Quy cách đóng gói

Hộp 1 lọ 30 mL

Bảo quản: Bảo quản trong bao bì kín, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn cơ sở

Nhà sản xuất



Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

TT-21-120322-102888-C00337

Kích thước : 95 x 350 mm

Quy cách Chi tiết xử lý đặc biệt Đơn vị thực hiện



Handwritten signature